

Số: 18/2010/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 22 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 28 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen như sau:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về: hoạt động mạng lưới quỹ gen; quản lý nhiệm vụ quỹ gen; trình tự xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá nghiệm thu, xử lý và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen (sau đây gọi là nhiệm vụ quỹ gen) bao gồm nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước, nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh và không bao gồm nhiệm vụ quỹ gen cấp cơ sở.

3. Nhiệm vụ quỹ gen gồm 3 loại: nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen; nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen; nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam liên quan đến hoạt động mạng lưới quỹ gen, quản lý và thực hiện nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn gen* là các loài sinh vật, các mẫu vật di truyền trong khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trong tự nhiên.

2. *Quỹ gen* là tập hợp các nguồn gen từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nguồn gen cây trồng, nguồn gen vật nuôi, nguồn gen người, nguồn gen vi sinh vật và các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu có giá trị sử dụng trong các lĩnh vực kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

3. *Mạng lưới quỹ gen* là mạng lưới liên kết hoạt động của các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen trên phạm vi cả nước đã được hình thành ở các Bộ, ngành trong quá trình thực hiện Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCMNT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo Thông tư này.

4. *Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, thu thập, bảo tồn, đánh giá các chỉ tiêu sinh học và tư liệu hóa nguồn gen.

5. *Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng để khai thác và phát triển nguồn gen đã được bảo tồn phục vụ cho mục đích kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

6. *Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật di truyền giống, di truyền phân tử, thống kê sinh học, tin sinh học,... để đánh giá di truyền phục vụ cho việc sàng lọc nguồn gen và lập bản đồ gen một số nguồn gen có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong nông nghiệp, công nghiệp, y tế, an ninh, quốc phòng.

7. *Nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen có tính liên ngành, đa lĩnh vực, được thực hiện bởi sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân và các nhà khoa học. Sản phẩm và kết quả nhiệm vụ quỹ

gen có phạm vi ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng tới sự phát triển của các ngành kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường. Các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen do các tổ chức mạng lưới quỹ gen chủ trì thực hiện theo Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCMNT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) là các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp nhà nước. Nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện.

8. *Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen có phạm vi ứng dụng trong một lĩnh vực, ngành, địa phương. Nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh do Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện.

Điều 4. Đối tượng của nhiệm vụ quỹ gen

1. Đối tượng của nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

a) Các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu của Việt Nam đang bị suy giảm hoặc có nguy cơ mất đi;

b) Các nguồn gen có giá trị kinh tế-xã hội, y học, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường đã được đánh giá các chỉ tiêu sinh học;

c) Các nguồn gen cần cho công tác tạo giống, lai tạo giống, nghiên cứu khoa học và đào tạo;

d) Các nguồn gen có nguồn gốc từ nước ngoài đã thích nghi, phát triển ổn định ở điều kiện Việt Nam và có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất.

2. Đối tượng của nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen

Các nguồn gen đang được bảo tồn và đã được đánh giá có giá trị kinh tế cao, có thể tạo ra sản phẩm thương mại, có thị trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường.

3. Đối tượng của nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen

Một số nguồn gen cây trồng, nguồn gen vật nuôi chủ lực; một số nguồn gen người, nguồn gen vi sinh vật, nguồn gen ký sinh trùng, vi rút có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nông nghiệp, công nghiệp, y tế, an ninh, quốc phòng.

Điều 5. Nội dung của nhiệm vụ quỹ gen

1. Nội dung của nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen

a) Lưu giữ, bảo quản các nguồn gen quý, hiếm hiện có;

b) Điều tra, khảo sát và thu thập bổ sung nguồn gen;

c) Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phục tráng các nguồn gen cây trồng, thuần chủng các nguồn gen vật nuôi, chuẩn hoá các chủng vi sinh, nấm, tảo;

d) Nghiên cứu xây dựng, phát triển các khu vực nuôi trồng chuyên canh các loài cây, con quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng hoặc quan trọng phục vụ kinh tế-xã hội, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi trường;

đ) Đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học phù hợp với từng đối tượng;

e) Tư liệu hóa nguồn gen dưới các hình thức: phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm thông tin, cơ sở dữ liệu (dưới dạng văn bản hoặc số hóa);

g) Bảo tồn an toàn nguồn gen theo đặc điểm sinh học của từng đối tượng (bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển chỗ) và đánh giá kết quả bảo tồn;

h) Giới thiệu, cung cấp, trao đổi nguồn gen và các thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân trong nước và đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung của nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen

a) Kiểm tra các nguồn gen quý, đánh giá khả năng phát triển và ứng dụng để định hướng mục tiêu khai thác;

b) Xây dựng nguồn vật liệu di truyền: vườn cây đầu dòng, vườn giống (đối với nguồn gen thực vật); đàn hạt nhân, cụ kỵ, ông bà, bố mẹ (đối với nguồn gen động vật); chủng gốc (đối với nguồn gen vi sinh vật, nấm, tảo);

c) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (nuôi cấy mô, sản xuất giống, nhân giống, ...) để phát triển nguồn vật liệu di truyền và nhân rộng nguồn gen;

d) Nghiên cứu quy trình công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế (thực phẩm, sinh phẩm, dược phẩm, ...) từ nguồn gen;

đ) Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm được tạo ra từ nguồn gen;

e) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm và nguồn gen bản địa.

3. Nội dung của nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen

a) Nghiên cứu đánh giá tiềm năng di truyền;

b) Nghiên cứu cấu trúc và chức năng của gen, giải trình tự gen;

c) Lập bản đồ gen.

Chương II.

HOẠT ĐỘNG MẠNG LƯỚI QUỸ GEN

Điều 6. Mạng lưới quỹ gen

1. Các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen trong quá trình thực hiện Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCMNT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ quỹ gen thực hiện theo Thông tư này trên phạm vi cả nước được liên kết với nhau tạo thành mạng lưới quỹ gen.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất nội dung hoạt động của mạng lưới quỹ gen nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ, ngành chủ quản tổ chức rà soát lại điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực của các tổ chức đang chủ trì nhiệm vụ quỹ gen. Trường hợp tổ chức chủ trì không đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định hoặc đề nghị Bộ, ngành chủ quản đình chỉ việc thực hiện hoặc chuyển giao nhiệm vụ cho tổ chức khác.

Điều 7. Thành viên mạng lưới quỹ gen

1. Thành viên mạng lưới quỹ gen là các tổ chức chủ trì thực hiện và lưu giữ kết quả nhiệm vụ quỹ gen có sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước.

2. Các tổ chức có đủ điều kiện về cơ sở vật chất-kỹ thuật và nguồn nhân lực để thực hiện và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen chưa được giao chủ trì nhiệm vụ quỹ gen đều được đăng ký để trở thành thành viên mạng lưới.

Hồ sơ thành viên mạng lưới quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký thành viên mạng lưới quỹ gen (được cơ quan chủ quản chấp thuận);

b) Bản khai năng lực của tổ chức;

c) Bản sao Quyết định thành lập.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ và ra quyết định công nhận danh sách thành viên mạng lưới quỹ gen. Danh sách thành viên mạng lưới quỹ gen được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của thành viên mạng lưới quỹ gen

1. Thành viên mạng lưới quỹ gen có các quyền sau đây:

- a) Đăng ký tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen;
- b) Điều tra, thu thập nguồn gen là đối tượng của nhiệm vụ quỹ gen được giao thực hiện;
- c) Trao đổi, chuyển giao, cung cấp kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;
- d) Hưởng lợi ích do tổ chức, cá nhân khác tiếp cận nguồn gen chia sẻ theo quy định tại Điều 58 và Điều 61 của Luật Đa dạng sinh học.

2. Thành viên mạng lưới quỹ gen có trách nhiệm sau đây:

- a) Báo cáo với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng với mục đích nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại;
- b) Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân khác được cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 59 của Luật Đa dạng sinh học;
- c) Kiểm soát việc điều tra, thu thập nguồn gen của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen trong phạm vi quản lý;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước khác có thẩm quyền về việc lưu giữ, sử dụng các kết quả nhiệm vụ quỹ gen.

Điều 9. Nội dung hoạt động mạng lưới quỹ gen

Theo chỉ đạo của Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen, mạng lưới quỹ gen thực hiện các hoạt động sau đây:

- Xây dựng kế hoạch 5 năm và định hướng chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10-20 năm;
- Đề xuất và xây dựng thuyết minh nhiệm vụ quỹ gen;
- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quỹ gen, đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;
- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện, báo cáo kết quả, đánh giá nghiệm thu, xử lý và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, website về quỹ gen;
- Tổ chức tham gia hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và kiến nghị các cơ chế, chính sách và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quỹ gen;
- Đề xuất khen thưởng đối với các thành viên của mạng lưới có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện và xử lý các thành viên vi phạm các quy định của Thông tư này.

Chương III.

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 10. Quản lý nhiệm vụ quỹ gen

1. Nhiệm vụ quỹ gen được quản lý theo quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước và theo quy định của Thông tư này.

2. Thẩm quyền quản lý được quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước. Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước và theo dõi quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

b) Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh. Vụ, đơn vị quản lý khoa học và công nghệ các Bộ, ngành, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh là cơ quan đầu mối giúp thủ trưởng các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý nhiệm vụ quỹ gen trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

3. Trách nhiệm phối hợp quản lý:

a) Cơ quan chủ quản (Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh) có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước do tổ chức chủ trì thực hiện thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

4. Biện pháp và nội dung phối hợp quản lý:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm mời đại diện cơ quan chủ quản tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng xét chọn, tuyển chọn, hội đồng đánh giá nghiệm thu và tham gia thành viên tổ thẩm định kinh phí, thành viên đoàn kiểm tra các nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước.

b) Cơ quan chủ quản (Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh) có trách nhiệm mời đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng xét chọn, tuyển chọn, hội đồng đánh giá nghiệm thu và tham gia thành viên tổ thẩm định kinh phí, thành viên đoàn kiểm tra các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng định hướng

chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10-20 năm và kế hoạch hoạt động chung của mạng lưới; xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện; xây dựng cơ sở dữ liệu, website chung cho mạng lưới quỹ gen; tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen; xét duyệt thi đua khen thưởng.

Điều 11. Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen

1. Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen (sau đây gọi là Ban điều hành) do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có trách nhiệm tư vấn cho Bộ trưởng xây dựng định hướng bảo tồn, phát triển nguồn gen; tổ chức thực hiện, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen.

2. Thành phần Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen: Trưởng ban là lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó ban là đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế, thành viên gồm đại diện một số Bộ, ngành có liên quan đến nguồn gen và một số nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực nguồn gen. Giúp việc cho Ban điều hành có Tổ thư ký.

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban điều hành do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định thành lập.

Điều 12. Nội dung hoạt động của Ban điều hành

- Chỉ đạo việc xây dựng định hướng chiến lược về bảo tồn và phát triển nguồn gen cho giai đoạn 10-20 năm của mạng lưới quỹ gen làm căn cứ để xây dựng và lựa chọn các nhiệm vụ quỹ gen cho kế hoạch 5 năm và hàng năm;

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch hoạt động chung của mạng lưới;

- Giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp nhà nước trong giai đoạn 5 năm và tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh;

- Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá nghiệm thu, tổng kết các nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước, đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;

- Hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu, website chung cho mạng lưới quỹ gen;

- Tổ chức hội thảo, tổng kết đánh giá kết quả 5 năm, 10 năm thực hiện nhiệm vụ quỹ gen và kiến nghị các cơ chế, chính sách và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quỹ gen;

- Đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các thành viên của mạng lưới có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện và xử lý các thành viên vi phạm các quy định của Thông tư này.

Chương IV.

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU, XỬ LÝ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 13. Xây dựng nhiệm vụ quỹ gen

1. Đối với nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen:

a) Căn cứ vào định hướng và nhu cầu về bảo tồn nguồn gen, các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có liên quan đến quỹ gen xây dựng đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh và đề xuất danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen đề nghị thực hiện ở cấp nhà nước cho kế hoạch 5 năm theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ. Ban Điều hành nhiệm vụ quỹ gen tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp nhà nước:

Trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh, Ban Điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp nhà nước trong giai đoạn 5 năm để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp nhà nước tư vấn xác định nhiệm vụ.

c) Nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh phê duyệt đề án khung và danh mục các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen dự kiến thực hiện ở cấp bộ, cấp tỉnh để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen:

a) Hàng năm, các tổ chức, cá nhân hoặc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có nhu cầu thực hiện nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp nhà nước lập đề xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ. Đề xuất các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh gửi về cơ quan quản lý KH&CN của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp nhà nước:

Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp nhà nước để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp nhà nước tư vấn xác định nhiệm vụ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp nhà nước để đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

c) Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Thủ trưởng Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức xác định nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Danh mục các nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh phải được thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

3. Đối với nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen:

a) Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ, ngành, địa phương xác định đối tượng nguồn gen cần đánh giá di truyền để giao nhiệm vụ đánh giá di truyền thực hiện ở cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp nhà nước:

Ban điều hành nhiệm vụ quỹ gen có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp nhà nước để đưa ra hội đồng khoa học và công nghệ cấp nhà nước tư vấn xác định nhiệm vụ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền cấp nhà nước để đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

c) Nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh:

Thủ trưởng Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức xác định nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Danh mục các nhiệm vụ đánh giá di truyền nguồn gen cấp bộ, cấp tỉnh phải được thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

4. Danh mục nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước có thể được bổ sung khi có nhu cầu đột xuất do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 14. Tổ chức tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Việc tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen tuân theo quy định hiện hành về tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước.

3. Các tài liệu của Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các tài liệu phục vụ cho việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức triển khai nhiệm vụ quỹ gen

1. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả tuyển chọn, xét chọn, tổ chức thẩm định kinh phí và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước.

2. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quyết định công nhận kết quả tuyển chọn, xét chọn, tổ chức thẩm định kinh phí và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

3. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổ chức chủ trì báo cáo tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước cho Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh cho Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

2. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

3. Hàng năm, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổng hợp tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh và lập báo cáo gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ. Báo cáo được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Bộ Tài chính tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh kiểm tra tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện những trường hợp sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ quy định sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 17. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện quỹ gen cấp nhà nước. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức việc đánh giá nghiệm, thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp đánh giá nghiệm thu có những nội dung không đạt yêu cầu do nguyên nhân khách quan, ngoài việc xử lý theo quy định hiện hành, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp tục lưu giữ kết quả và lập báo cáo gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen và Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, xử lý.

Điều 18. Thanh lý hợp đồng, xử lý và sử dụng kết quả nhiệm vụ quỹ gen

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Việc tổ chức thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Xử lý kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ quỹ gen

a) Nguồn gen và cơ sở dữ liệu của nhiệm vụ quỹ gen được lưu giữ tại tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen để phục vụ cho các nhiệm vụ kế tiếp và sử dụng theo quy định;

b) Các sản phẩm thương mại tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được xử lý theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Các tổ chức chủ trì có trách nhiệm cung cấp thông tin và cơ sở dữ liệu về nguồn gen của nhiệm vụ quỹ gen cho cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Việc sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đa dạng sinh học và các luật khác có liên quan.

Chương V.

TÀI CHÍNH NHIỆM VỤ QUỸ GEN

Điều 19. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen quy định tại Điều 1 của Thông tư này được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ:

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh được cân đối và phân bổ về các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp nhà nước được cân đối và phân bổ về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kinh phí cho hoạt động điều hành và quản lý nhiệm vụ quỹ gen được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và được giao dự toán về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ quỹ gen được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương VI.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.
2. Thông tư này thay thế Quyết định số 2177/1997/QĐ-BKHCMNT ngày 30 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý và bảo tồn nguồn gen thực vật, động vật và vi sinh vật.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này để quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHCNN.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Hoàng Văn Phong